

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 144/QĐ-HVTC ngày 05 / 9 /2025 của Giám đốc Học viện Tài chính)

- NGÀNH ĐÀO TẠO:	NGÔN NGỮ ANH (Tên tiếng Anh: English)
- MÃ NGÀNH:	7220201
- TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	TIẾNG ANH TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN (Tên Tiếng Anh: English for Finance and Accounting)
- MÃ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	05.01
- TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	Đại học (Chương trình chuẩn)
- HÌNH THỨC ĐÀO TẠO:	Chính quy
- VĂN BẰNG TỐT NGHIỆP:	Cử nhân
- ĐƠN VỊ CẤP BẰNG:	Học viện Tài chính
- ÁP DỤNG TỪ NĂM TUYỂN SINH:	2025 (Từ khóa 63)

1. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo (CTĐT) Tiếng Anh Tài chính – Kế toán (TC-KT), ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học là CTĐT định hướng ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc, có kiến thức chuyên môn về Tiếng Anh TC-KT toàn diện. Người học sau khi tốt nghiệp nắm vững nền tảng cơ bản về khoa học tự nhiên - xã hội, chính trị và pháp luật, kinh tế, tài chính, kế toán, quản lý và quản trị; chuyên sâu về lĩnh vực Tiếng Anh TC-KT, thành thạo ngôn ngữ và văn hóa Anh, biên - phiên dịch và Tiếng Anh học thuật; kỹ năng giao tiếp, ứng xử và giải quyết vấn đề liên quan; có khả năng lãnh đạo, quản lý, làm việc khoa học, đổi mới và sáng tạo; tổng hợp, phân tích, đánh giá và thực hành nghề nghiệp; tự chủ, trách nhiệm, tự đào tạo và khởi nghiệp; thích ứng nhanh với môi trường làm việc thay đổi gắn với kỷ nguyên số; có ý thức kỷ luật, phục vụ cộng đồng và học tập suốt đời. Ngoài ra, người học được trang bị kiến thức chuyên sâu khác để mở rộng cơ hội nghề nghiệp và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể (PO: Program Objectives)

2.2.1. Về kiến thức

PO1: - Có kiến thức nền tảng về: khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị, pháp luật; công nghệ thông tin (CNTT) và trí tuệ nhân tạo (AI), Cơ sở văn hóa Việt Nam, Tiếng Việt, Kinh tế học cơ bản để vận dụng vào nghề nghiệp, cuộc sống.

- Có kiến thức cơ bản về giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN), giáo dục thể chất (GDTC) để vừa rèn luyện sức khỏe; sống có kỷ luật; có ý thức góp phần xây dựng phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

PO2: Nắm vững kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học, giao tiếp liên văn hóa, tư duy học thuật và kiến thức nền tảng trong lĩnh vực Tiếng Anh TC-KT để vận dụng và giải quyết tốt các vấn đề cơ bản, làm nền tảng cho việc tiếp cận chuyên sâu và ứng dụng trong môi trường học thuật và thực tiễn nghề nghiệp.

PO3: - Có kiến thức chung về các lĩnh vực của ngành Ngôn ngữ Anh để làm nền tảng đào tạo chuyên sâu lĩnh vực Tiếng Anh TC-KT.

- Có kiến thức chuyên môn khác về Tiếng Anh TC-KT, Tài chính – Ngân hàng, Kế toán, Marketing, Kiểm toán, Quản lý công bố trợ cho ngành Ngôn ngữ Anh, CTĐT Tiếng Anh TC-KT để người học sau khi tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu về lĩnh vực được đào tạo và mở rộng cơ hội nghề nghiệp sau tốt nghiệp.

PO4: - Có kiến thức nền tảng chuyên sâu gắn với thực tiễn và khả năng vận dụng nguyên tắc, kỹ thuật, quy trình chuyên môn để thực hiện chính xác các nhiệm vụ ngôn ngữ trong lĩnh vực TC-KT. Phân tích, lựa chọn và áp dụng chiến lược biên – phiên dịch phù hợp với bối cảnh, mục tiêu và đối tượng sử dụng, đáp ứng tiêu chuẩn nghề nghiệp. Lập kế hoạch, tổ chức và đánh giá chất lượng sản phẩm ngôn ngữ, phối hợp hiệu quả trong môi trường làm việc đa ngôn ngữ và đa văn hóa.

- Có kiến thức chuyên sâu về Tiếng Anh TC-KT để thực hiện công việc chuyên môn; quản lý, tư vấn, tham mưu ra quyết định tối ưu.

- Có kiến thức thực tế vững chắc, thực hành nghề nghiệp để lập báo cáo và thực tập tốt nghiệp.

2.2.2. Về kỹ năng

PO5: - Có kỹ năng nghề nghiệp chuyên sâu để giải quyết những vấn đề cụ thể hoặc phức tạp liên quan đến lĩnh vực Tiếng Anh TC – KT và lĩnh vực hỗ trợ khác.

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, làm việc khoa học và chuyên nghiệp; biết dẫn dắt chuyên môn, tự cập nhật kiến thức phục vụ công việc;...

- Có kỹ năng học tập, nghiên cứu đáp ứng yêu cầu chuẩn công nghệ thông tin, ngoại ngữ theo quy định hiện hành để phục vụ công việc.

2.2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PO6: - Có khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo để tổ chức, thực hiện tốt nhất công việc với nhóm, cá nhân, tập thể một cách khoa học, chuyên nghiệp; tự chịu trách nhiệm cá nhân; có ý thức kỷ luật; tuân thủ pháp luật.

- Có trách nhiệm với tập thể/đơn vị, với nhóm, cộng đồng và xã hội.

2.3. Khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

Có khả năng tiếp tục học tập ở trình độ sau đại học trong và ngoài nước ở các chuyên ngành liên quan như Ngôn ngữ học ứng dụng, Giảng dạy tiếng Anh (TESOL), Biên – Phiên dịch, Truyền thông quốc tế, Tài chính – Kế toán, Quản trị kinh doanh quốc tế, Marketing, v.v.

Có khả năng tự học, tự nghiên cứu để cập nhật kiến thức và nâng cao năng lực chuyên môn trong môi trường học thuật và nghề nghiệp thực tiễn.

Có thể tham gia các khóa đào tạo và thi lấy các chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế như TESOL, IELTS Trainer, Business English Certificate (BEC), Certified Financial Translator, và các chứng chỉ chuyên ngành khác trong lĩnh vực ngôn ngữ và tài chính – kế toán.

- Có cơ hội nhận được bằng đại học thứ 2 ngành đào tạo khác của Học viện nếu người học đăng ký học cùng lúc 2 chương trình.

2.4. Về vị trí/chức danh làm việc sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp CTĐT Tiếng Anh TC-KT, ngành Ngôn ngữ Anh của Học viện Tài chính có nhiều cơ hội nghề nghiệp đa dạng và có khả năng đảm nhận các công việc chuyên môn được đào tạo về lĩnh vực Tiếng Anh TC-KT và các lĩnh vực liên quan trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; các doanh nghiệp, tập đoàn, tổ chức trong nước và quốc tế; cụ thể:

- Biên – phiên dịch viên tiếng Anh trong các lĩnh vực Tài chính, Kế toán, Kiểm toán, Ngân hàng, Thuế, Hải quan tại các doanh nghiệp, tổ chức tài chính, công ty đa quốc gia hoặc cơ quan nhà nước.

- Nhân viên truyền thông, trợ lý đối ngoại, thư ký văn phòng tại các công ty FDI, ngân hàng quốc tế, hãng kiểm toán, tổ chức phi chính phủ, hoặc cơ quan hợp tác quốc tế.

- Giảng viên, trợ giảng, nghiên cứu viên trong lĩnh vực tiếng Anh chuyên ngành tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung tâm đào tạo ngoại ngữ hoặc các viện nghiên cứu giáo dục và ngôn ngữ.

- Chuyên viên nội dung (content writer), copywriter, biên tập viên tiếng Anh chuyên ngành tài chính – kinh doanh, hoặc chuyên viên phân tích tài liệu tiếng Anh trong lĩnh vực truyền thông, báo chí, xuất bản.

- Cán bộ phụ trách hồ sơ, hợp đồng, giao dịch tài chính – kế toán bằng tiếng Anh tại các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, công ty chứng khoán, bảo hiểm và các đơn vị có yếu tố nước ngoài.

- Có khả năng khởi nghiệp hoặc làm việc tự do trong lĩnh vực biên – phiên dịch chuyên ngành, đào tạo tiếng Anh chuyên nghiệp, hoặc dịch vụ tư vấn và truyền thông đa ngôn ngữ.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có nhiều cơ hội tiếp cận đa dạng vị trí công việc trong các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế; đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững của nền kinh tế – xã hội.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLO: Program Learning Outcomes)

Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT Tiếng Anh Tài chính kế toán, ngành Ngôn ngữ Anh đạt chuẩn về kiến thức của trình độ đại học; có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Tiếng Anh TC-KT; có kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, ứng xử; có khả năng tự chủ và trách nhiệm trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế; cụ thể:

3.1. Về kiến thức

3.1.1 Kiến thức giáo dục đại cương

PLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam vào phân tích, giải quyết các vấn đề thực tiễn và cuộc sống; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan tiến bộ, phương pháp luận khoa học để học tập, nghiên cứu và làm việc chuyên môn.

PLO2: - Hiểu và giải thích được các kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, pháp luật, kinh tế học vĩ mô cơ bản, Tiếng Việt, Cơ sở văn hóa

Việt Nam để phục vụ nghiên cứu tổng quan, nghiên cứu khoa học và giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc phạm vi công việc được giao.

- Hiểu và vận dụng được kiến thức về CNTT, có nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI) đáp ứng yêu cầu công việc.

PLO3: Nắm vững kiến thức GDQP&AN, GDTC để rèn luyện sức khỏe đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, làm việc và hội nhập quốc tế.

3.1.2. Kiến thức cơ sở khối ngành, cơ sở ngành, ngành và bổ trợ

*** Kiến thức cơ sở khối ngành và cơ sở ngành**

PLO4: - Hiểu và vận dụng được những kiến thức cơ bản bằng ngôn ngữ Tiếng Anh về Ngữ âm – Âm vị học Tiếng Anh, Từ vựng học làm cơ sở nghiên cứu về âm thanh của ngôn ngữ, quy luật phát âm và hiện tượng ngữ âm tự nhiên, góp phần nâng cao khả năng nghe – nói, phát âm chuẩn, phục vụ đọc - viết học thuật và kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong môi trường thực tế;

Hiểu và vận dụng được các kiến thức lý thuyết về cấu tạo từ, các hiện tượng ngữ nghĩa và quy luật phát triển từ vựng trong Tiếng Anh nhằm phục vụ hiệu quả cho việc đọc hiểu, viết học thuật và sử dụng tiếng Anh phục vụ hoạt động chuyên môn.

- Hiểu và vận dụng kiến thức nền tảng, cơ bản bằng ngôn ngữ Tiếng Anh về: Ngữ pháp Tiếng Anh ứng dụng, Giao tiếp liên văn hóa, Luyện âm, Tư duy ngôn ngữ Anh, Tranh biện và lập luận Tiếng Anh, Đất nước học Anh – Mỹ, Viết học thuật Tiếng Anh Tài chính – Kế toán, Nguyên lý kế toán, Tài chính tiền tệ để phát hiện, nhận diện, phân tích, đánh giá, giải quyết vấn đề chuyên môn liên quan lĩnh vực Tiếng Anh Tài chính – Kế toán; vận dụng nền tảng Tiếng Anh để phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học và nghiên cứu chuyên sâu.

*** Kiến thức ngành và bổ trợ**

PLO5: - Vận dụng, phân tích kiến thức cơ bản về lĩnh vực Tiếng Anh Tài chính - Kế toán trong mối quan hệ chặt chẽ với các lĩnh vực liên quan khác.

- Vận dụng, phân tích, đánh giá, luận giải, tổng hợp được một số vấn đề chuyên sâu/nghiệp vụ cụ thể: Nhập môn phiên dịch Tài chính - Kế toán, Tiếng Anh Nghe-Nói học thuật, Tiếng Anh Đọc -Viết học thuật, Tiếng Anh trong đàm phán thương mại quốc tế, Tiếng Anh trong báo cáo tài chính và thư tín thương mại, Chiến lược giao tiếp trong môi trường kinh doanh, Viết nâng cao trong kinh doanh và tài chính, Giao tiếp kinh doanh đa phương thức.

PLO6: Vận dụng, phân tích các kiến thức chuyên sâu cụ thể bằng ngôn ngữ Tiếng Anh (Tiếng Anh trong phân tích dữ liệu TC-KT, Tiếng Anh trong phân tích và đánh giá thông tin truyền thông, Kế toán tài chính cơ bản, Tài chính doanh nghiệp căn bản, Thuế, Marketing căn bản, Kiểm toán căn bản, Tài chính quốc tế, Quản lý tài chính công, Quản lý tài chính cá nhân trong thời đại số, Tiếng Anh trong ngân hàng và công nghệ tài chính, Tiếng Anh thực hành dự án kinh doanh, Ngôn ngữ học ứng dụng trong kinh doanh thương mại) trong tiếp cận, giải quyết vấn đề để bổ trợ chuyên sâu cho lĩnh vực Tiếng Anh Tài chính – Kế toán; hướng tới người học sau khi tốt nghiệp trở thành chuyên gia về lĩnh vực đào tạo, mở rộng cơ hội nghề nghiệp và đáp ứng tiêu chuẩn tuyển dụng nhân lực trình độ cao trong điều kiện hội nhập quốc tế.

3.1.3. Kiến thức chuyên ngành

PLO7: - Phân tích, đánh giá kiến thức cơ bản, chuyên sâu về phiên dịch Tài chính – Kế toán nâng cao để phác thảo, nắm vững được nguyên tắc chung của lĩnh vực Tiếng Anh Tài chính – Kế toán và ứng dụng CNTT để thực hành nghề nghiệp liên quan đến chuyên môn.

- Phân tích, đánh giá, tổng hợp có hệ thống kiến thức chuyên sâu về:
- + Quy trình biên dịch và chuẩn mực ngôn ngữ để xử lý thuật ngữ, cấu trúc và diễn đạt của các loại văn bản tài chính, kế toán, kiểm toán và pháp lý.
- + Chuẩn hóa và sử dụng hiệu quả hệ thống thuật ngữ, diễn đạt chuyên sâu, nâng cao năng lực đọc hiểu, viết học thuật và trình bày tài liệu chuyên môn.
- + Tổ chức, lập kế hoạch, phối hợp nhóm và kiểm soát chất lượng sản phẩm ngôn ngữ; ứng dụng phần mềm hỗ trợ dịch thuật và công nghệ ngôn ngữ số trong môi trường chuyên nghiệp.
- + Đánh giá khả năng sử dụng tiếng Anh và tích hợp phát triển toàn diện các kỹ năng nghe – nói - đọc - viết trong các ngữ cảnh và tình huống thực tế.
- + Phân tích, sửa lỗi, chuẩn hóa và đánh giá chất lượng bản dịch chuyên sâu về tài chính – kế toán theo tiêu chuẩn ngôn ngữ học ứng dụng.

PLO8: Thiết kế, xây dựng, phát triển được kiến thức thực tế, chuyên sâu; thực hành nghề nghiệp tại các tổ chức, doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế/Trung tâm thực hành để đạt kiến thức chung về thực tập tốt nghiệp.

3.2. Về kỹ năng

PLO9: - Có kỹ năng hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá, tổng hợp, báo cáo, đề xuất, tham mưu và giải quyết vấn đề chuyên sâu thuộc lĩnh vực Tiếng Anh TC-

KT; am hiểu lĩnh vực khác hỗ trợ ngành tài chính ngân hàng; thực hành và sử dụng phần mềm chuyên môn thành thạo.

- Có kỹ năng dẫn dắt chuyên môn; tự bổ sung, cập nhật kiến thức mới, tiếp tục nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc trong các môi trường làm việc khác nhau.

- Có kỹ năng nghiên cứu khoa học; tư duy đổi mới và sáng tạo; soạn thảo văn bản chuẩn mực; luận giải logic các vấn đề thực tiễn đặt ra một cách thuyết phục và có căn cứ thực hiện.

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, phản biện, thấu hiểu; có kỹ năng thuyết trình, làm việc độc lập/nhóm khoa học và chuyên nghiệp để giải quyết tốt vấn đề thực tiễn.

- Có kỹ năng khởi nghiệp, tự chủ và tự chịu trách nhiệm cá nhân; thiết lập và duy trì các mối quan hệ để giải quyết tốt công việc liên quan.

PLO10: - Có năng lực học tập, nghiên cứu để đạt chuẩn tối thiểu kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tương đương và năng lực số quy định hiện hành; tìm kiếm, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu có ích và xử lý tốt thông tin, dữ liệu;

- Có kỹ năng học tập, nghiên cứu để đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ (Tiếng Anh) tối thiểu 5/6 hoặc tương đương theo quy định của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; sử dụng hiệu quả Tiếng Anh chuyên sâu trong công việc chuyên môn nghề nghiệp và cuộc sống.

3.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO11: - Có phẩm chất đạo đức tốt, thấu hiểu; có sức khỏe; tư duy đổi mới và cầu tiến; năng động và sáng tạo; chủ động, trung thực, khách quan và công tâm khi giải quyết công việc; tự tin và kiên trì theo đuổi mục tiêu; có khả năng lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn, tổ chức thực hiện và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực được đào tạo chuyên sâu.

- Có tinh thần phối hợp công việc với cá nhân, nhóm, tổ chức, xã hội trong hoạt động chuyên môn và cuộc sống.

PLO12: - Có tinh thần học tập suốt đời; thích ứng nhanh với môi trường thay đổi; tự cập nhật, đào tạo để khởi nghiệp và phát triển nghề nghiệp; có ý thức kỷ luật; tuân thủ pháp luật; phục vụ cộng đồng; có trách nhiệm với tập thể/đơn vị, với nhóm và cộng đồng.

- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH, TIÊU CHÍ TUYỂN SINH VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT; quy chế tuyển sinh và thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

4.1. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương.

4.2. Tiêu chí tuyển sinh:

- Thí sinh dự tuyển phải đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của quy chế, quy định và thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

4.3. Phương thức tuyển sinh: Phương thức tuyển sinh được quy định rõ về các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách thức tính điểm xét và xác định điều kiện trúng tuyển trong thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc chương trình tổng thể

TT	Nhóm kiến thức	Số TC	Ghi chú
A	Kiến thức giáo dục đại cương	41	
A1	Kiến thức chung	30	
	Phần bắt buộc	24	
	Phần tự chọn	6	
A2	Kiến thức GDQP&AN, GDTC (*)	11	
B	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	90	
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành	6	
B2	Kiến thức cơ sở ngành	24	
B3	Kiến thức ngành	16	
B4	Kiến thức chuyên ngành	14	
	Phần bắt buộc	12	
	Phần tự chọn	2	
B5	Kiến thức bổ trợ	20	
	Phần bắt buộc	12	
	Phần tự chọn	8	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng số tín chỉ (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	131	
	Tổng số tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	120	

Ghi chú: - (*) Khối lượng kiến thức GDQP&AN: 8 tín chỉ và GDTC: 3 tín chỉ.

- Quy định về ký hiệu mã môn học trong các CTĐT: Tên môn học được ký hiệu bằng một mã số riêng do Học viện quy định.

5.2. Cấu trúc chương trình chi tiết

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
A		PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	41		
A1		Kiến thức chung	30		
		<i>Phần bắt buộc</i>	24		
1	MPT0400	Triết học Mác -Lênin	3	45	
2	MPT0401	Kinh tế chính trị Mác -Lênin	2	30	
3	SSO0402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	
4	VPP0401	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	
5	HVE0244	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	
6	GLA0141	Pháp luật đại cương	2	30	
7	PAS0101	Lý thuyết xác suất và thống kê	2	30	
8	VCB0018	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	30	
9	VLA0232	Tiếng Việt	2	30	
10	ITO0236	Tin học	2	30	
11	MAE0012	Kinh tế vĩ mô cơ bản	3	45	
		<i>Phần tự chọn</i>	6		
		<i>Nhóm 1</i>	2		
12	SRM0300	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	
		<i>Nhóm 2</i>	4		
13	IEC0100	Kinh tế quốc tế	2	30	
14	ALI0100	Trí tuệ nhân tạo	2	30	
15	SOC0248	Xã hội học	2	30	
16	EDC1002	Tiếng Anh trong giao tiếp kỹ thuật số (English for Digital Communication)	2	30	Tiếng Anh
A2		Kiến thức GDQP&AN, GDTC	11		
17	MED0345	Giáo dục quốc phòng	8	165	
	AED0030	Giáo dục thể chất	3	45	
		<i>Phần bắt buộc</i>	1		
18	AED0350	Chạy cự ly ngắn	1	30	
19	AED0358	Thể dục phát triển chung	1	30	Online
		<i>Phần tự chọn</i>	2		
20	AED0351	Bóng rổ	2	60	
21	AED0352	Bóng chuyền	2	60	
22	AED0353	Bơi	2	60	

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
23	AED0354	Bóng bàn	2	60	
24	AED0355	Cầu lông	2	60	
25	AED0356	Taekwondo	2	60	
26	AED0359	Thế dục phát triển chung với dụng cụ	2	60	Online
B		PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	90		
B1		Kiến thức cơ sở khối ngành	6		
27	PPH0119	Ngữ âm - Âm vị học (Phonetics and Phonology)	3	45	Tiếng Anh
28	LEX0110	Từ vựng học (Lexicology)	3	45	Tiếng Anh
B2		Kiến thức cơ sở ngành	24		
29	GRA0121	Ngữ pháp tiếng Anh ứng dụng (Applied English Grammar)	4	60	Tiếng Anh
30	ICC5010	Giao tiếp liên văn hóa (Inter-cultural Communication)	2	30	Tiếng Anh
31	PRO1010	Luyện âm (Pronunciation)	2	30	Tiếng Anh
32	ETP0110	Tư duy Ngôn ngữ Anh (English thinking patterns)	2	30	Tiếng Anh
33	EAD2012	Tranh biện và lập luận tiếng Anh (English Argumentation and Debate)	2	30	Tiếng Anh
34	BAS2013	Đất nước học Anh - Mỹ (British – American Studies)	2	30	Tiếng Anh
35	WFA2014	Viết học thuật (Academic writing)	2	30	Tiếng Anh
36	TRA1011	Dịch đại cương (Translation Studies)	2	30	Tiếng Anh
37	LGE0019	Dẫn luận ngôn ngữ	2	30	
38	APR0125	Nguyên lý kế toán	2	30	
39	FAM0193	Tài chính tiền tệ	2	30	
B3		Kiến thức ngành	16		
40	IFA0311	Nhập môn phiên dịch Tài chính - Kế toán (Introduction to Interpreting for Finance and Accounting)	2	30	Tiếng Anh
41	ALS1012	Tiếng Anh Nghe-Nói học thuật (Academic Listening and Speaking)	2	30	Tiếng Anh
42	ARW1013	Tiếng Anh Đọc -Viết học thuật (Academic Reading and Writing)	2	30	Tiếng Anh
43	EBN1014	Tiếng Anh trong đàm phán thương mại quốc tế (English for Business Negotiations)	2	30	Tiếng Anh

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
44	EFB1015	Tiếng Anh trong báo cáo tài chính và thư tín thương mại (Financial Reporting and Business Correspondence)	2	30	Tiếng Anh
45	BEC0311	Chiến lược giao tiếp trong môi trường kinh doanh (Communication Strategies in Business Settings)	2	30	Tiếng Anh
46	BFW1016	Viết nâng cao trong kinh doanh và tài chính (Business and Financial Writing)	2	30	Tiếng Anh
47	MBC0151	Giao tiếp kinh doanh đa phương thức (Multimodal Business Communication)	2	30	Tiếng Anh
B4		Kiến thức chuyên ngành	14		
		<i>Phần bắt buộc</i>	12		
48	IFA0310	Phiên dịch Tài chính - Kế toán nâng cao (Advanced Interpreting for Finance and Accounting)	2	30	Tiếng Anh
49	TFA1111	Biên dịch Tài chính - Kế toán (Translation for Finance and Accounting)	3	45	Tiếng Anh
50	FAE0263	Tiếng Anh Tài chính - Kế toán (English for Finance and Accounting)	4	60	Tiếng Anh
51	TIF1113	Nghiệp vụ biên phiên dịch Tài chính - Kế toán (Professionalism in Finance and Accounting translation and interpreting)	3	45	Tiếng Anh
		<i>Phần tự chọn</i>	2		
52	ETM1001	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh (English language teaching methods)	2	30	Tiếng Anh
53	TEP1110	Biên tập và hiệu đính bản dịch (Translation editing and proofreading techniques)	2	30	Tiếng Anh
B5		Kiến thức bổ trợ	20		
		<i>Phần bắt buộc</i>	12		
54	AFB0011	Kế toán tài chính cơ bản (Basic Financial Accounting)	4	60	Tiếng Anh
55	CFI0302	Tài chính doanh nghiệp căn bản (Basic Corporate finance)	2	30	Tiếng Anh
56	TAX1101	Thuế (Taxation)	2	30	Tiếng Anh
57	EDA0310	Tiếng Anh trong phân tích dữ liệu Tài chính - Kế toán (English for Finance and Accounting Data Analysis)	2	30	Tiếng Anh

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
58	NEL1001	Tiếng Anh trong phân tích và đánh giá thông tin truyền thông (English for News Literacy)	2	30	Tiếng Anh
		Phần tự chọn	8		
		<i>Nhóm 1</i>	2		
59	CPS0001	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	1	15	
60	TES0002	Kỹ năng soạn thảo văn bản	1	15	
61	MWS0003	Kỹ năng quản lý và tổ chức công việc	1	15	
62	CNS0004	Kỹ năng tư duy phản biện và đàm phán	1	15	
63	TTS0005	Kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm	1	15	
		<i>Nhóm 2</i>	4		
64	PFM2002	Quản lý tài chính cá nhân trong thời đại số (Personal Finance Management in the Digital Age)	2	30	Tiếng Anh
65	EBF0102	Tiếng Anh trong ngân hàng và công nghệ tài chính (English for Banking and FinTech)	2	30	Tiếng Anh
66	EBP0150	Tiếng Anh thực hành dự án kinh doanh (English for Business Project in Practice)	2	30	Tiếng Anh
		<i>Nhóm 3</i>	2		
67	ESM0210	Marketing căn bản (Essentials of Marketing)	2	30	Tiếng Anh
68	GAU0078	Kiểm toán căn bản	2	30	
69	IFI0191	Tài chính quốc tế	2	30	
70	PFM0150	Quản lý tài chính công	2	30	
71	ALI1010	Ngôn ngữ học ứng dụng trong kinh doanh thương mại (Applied Linguistics for Business Innovation)	2	30	Tiếng Anh
B6		Kiến thức thực tập tốt nghiệp	10		
72	SPR0501	Thực tập tốt nghiệp (Graduation Internship - 05.01)	10	150	Tiếng Anh
		<i>Thực tập cuối khoá (thực hành)</i>	4	60	Tiếng Anh
		<i>Luận văn tốt nghiệp</i>	6	90	Tiếng Anh
		Tổng số tín chỉ (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	131		
		Tổng số tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	120		

Ghi chú: - Môn học GDTC (online) áp dụng thay thế khi tổ chức học trực tuyến
- Ngôn ngữ giảng dạy (NNGD) chỉ xác định với môn học giảng bằng Tiếng Anh

5.3. Kế hoạch giảng dạy toàn khóa (dự kiến)

TT	NỘI DUNG	HỌC KỲ							
		(dấu x là các kỳ có thể bố trí)							
		1	2	3	4	5	6	7	8
A	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG								
A1	Kiến thức chung	x	x	x	x	x			
	Phần bắt buộc	x	x	x					
	Phần tự chọn	x	x	x	x	x			
A2	Kiến thức GDQP&AN, GDTC	x	x	x	x	x	x		
B	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP								
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành		x	x					
B2	Kiến thức cơ sở ngành		x	x	x	x			
B3	Kiến thức ngành			x	x	x	x	x	
B4	Kiến thức chuyên ngành				x	x	x		
	Phần bắt buộc				x	x	x		
	Phần tự chọn				x	x	x		
B5	Kiến thức bổ trợ				x	x	x	x	
	Phần bắt buộc				x	x	x	x	
	Phần tự chọn	x	x	x	x	x	x	x	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp						x	x	x

Ghi chú: Kế hoạch giảng dạy trên có tính chất tương đối, việc bố trí kế hoạch giảng dạy thực tế hàng năm phải căn cứ vào quy định về điều kiện học tập của môn học.

6. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP.

6.1. Quy trình đào tạo

- CTĐT được thiết kế hoàn thành khóa học 4 năm với tổng 8 học kỳ (trong đó: tối đa 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại Học viện và 1 học kỳ thực tập tại cơ sở thực tế/Trung tâm thực hành nghề nghiệp và hoàn thành luận văn tốt nghiệp). Tuy nhiên, tùy theo năng lực của người học có thể hoàn thành khóa học sớm hơn quy định.
- Quy trình đào tạo thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

6.2. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm của quá trình đào tạo.

- Phương pháp giảng dạy phù hợp với mục tiêu, nội dung và chuẩn đầu ra của môn học; tích hợp kiến thức lý thuyết, thực tiễn và kỹ năng; tăng cường tính thực tiễn mang lại hiệu quả để giúp sinh viên đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học trong CTĐT.

- Phương pháp dạy học được áp dụng là phương pháp dạy học tích cực nhằm thúc đẩy sự sáng tạo, chủ động và tích cực của sinh viên; cụ thể: **1)** Phương pháp thuyết giảng; **2)** Phương pháp thảo luận; **3)** Phương pháp làm việc nhóm; **4)** Phương pháp tranh biện; **5)** Phương pháp tình huống; **6)** Phương pháp trải nghiệm thực tế; **7)** Phương pháp thực hành; **8)** Các PP khác phù hợp với đặc thù của môn học/CTĐT.

- Phương pháp giảng dạy khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy - học; kết hợp giữa giảng dạy trên lớp và giảng dạy trên nền tảng số,... nhằm phát triển năng lực nhận biết và phân tích vấn đề thực tiễn.

- Tăng cường giảng dạy theo hình thức hướng dẫn, chú trọng hoạt động trải nghiệm cho sinh viên theo hình thức phù hợp nhằm tăng tính trực quan, tăng động lực học tập, sáng tạo, cải thiện khả năng ứng dụng kiến thức, kỹ năng vào các vấn đề thực tế.

6.3. Đánh giá kết quả học tập và cách thức đánh giá

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và chương trình đào tạo.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, xác định mức độ đạt được của người học quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi môn học; đánh giá không chỉ tập trung vào kiến thức mà còn đánh giá được năng lực thông qua thực hành phù hợp với phương pháp dạy học, giải quyết vấn đề thực tế, kỹ năng và thái độ của sinh viên.

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên đánh giá quá trình và kết quả đánh giá kết thúc môn học; làm cơ sở để điều chỉnh hoạt động dạy - học, ghi nhận và thúc đẩy sự tiến bộ của người học, cải tiến và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

- Phương pháp đánh giá kết quả học tập phù hợp với chuẩn đầu ra của môn học; đặc điểm môn học; phương pháp giảng dạy; đảm bảo tính đa dạng, độ tin cậy và sự công bằng trong hoạt động dạy - học.

- Các thành phần đánh giá kết quả học tập được công khai và có tỷ lệ phù hợp, bao gồm: đánh giá quá trình và đánh giá tích lũy kiến thức; có thể bổ sung các phương pháp đánh giá nếu thấy phù hợp; khuyến khích sinh viên tích lũy kiến thức thông qua việc tự nghiên cứu, tự học.

Các thành phần đánh giá bao gồm:

+ Đánh giá quá trình: có thể dưới hình thức đánh giá ý thức học tập của sinh viên (chuyên cần, thái độ học tập), đánh giá bài tập cá nhân, bài tập nhóm và kiểm tra giữa kỳ theo quy định đào tạo phù hợp với số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo.

+ Đánh giá tích lũy kiến thức: có thể dưới hình thức thi kết thúc môn học hoặc các hình thức đánh giá kết thúc môn học khác.

+ Đánh giá kết quả học tập theo thang điểm 10 kết hợp với thang điểm chữ A, B, C, D, F theo quy định đào tạo hiện hành của Học viện Tài chính.

6.4. Điều kiện công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các quy định của Học viện Tài chính.

7. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Mỗi CTĐT được xây dựng bản mô tả CTĐT chi tiết riêng. Việc tổ chức xây dựng CTĐT Tiếng Anh TC-KT (Chương trình chuẩn) phù hợp với ngành Ngôn ngữ Anh; với tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, chiến lược phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 của Học viện Tài chính.

- Nội dung CTĐT Tiếng Anh TC-KT được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Học viện Tài chính.

- Định kỳ, Học viện tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT trình độ đại học của ngành và CTĐT thuộc ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**KT.TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**



Phạm Thị Tâm

GIÁM ĐỐC ✓



Nguyễn Đào Tùng